

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Ngô Viết Tuân

+ Ông Trần Bình Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 5 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

Sau thời gian quen biết, bà và ông Trần Quốc T quyết định tiến đến hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức đám cưới, đến ngày 31/3/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Long An. Sau khi cưới ông bà sinh sống tại ấp 1, xã B, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài nên thường xuyên cãi vả làm cho tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông Trần Quốc T có 02 con chung tên Trần Q (nam) sinh ngày 12/01/2005 và Trần Quốc Tr (nam) sinh ngày 01/02/2012 hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Quốc T không đến Tòa án để thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị S có đơn xin ly hôn với ông Trần Quốc T, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Quốc T có nơi cư trú tại ấp 1, xã B, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Trần Quốc T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về hôn nhân: Giữa bà Trần Thị S và ông Trần Quốc T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[4] Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Trần Quốc T không tham gia phiên hòa giải mà không có lý do đã thể hiện ý chí không mong muốn vợ chồng đoàn tụ, mặc kệ hậu quả xảy ra và bà Trần Thị S cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị S và ông Trần Quốc T là có thật và thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị S.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị S và ông Trần Quốc T có 02 con chung là Trần Q (nam) sinh ngày 12/01/2005 và Trần Quốc Tr (nam) sinh ngày 01/02/2012 hiện đang sống chung với bà S. Tại bản tự khai cháu Q và cháu Tr đều có nguyện vọng sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Q và cháu Tr cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản: Bà Trần Thị S cho rằng tự thỏa thuận, ông Trần Quốc T không thể hiện ý kiến nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ: Bà Trần Thị S cho rằng không có, ông Trần Quốc T không thể hiện ý kiến nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S về việc xin ly hôn với ông Trần Quốc T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Q (nam) sinh ngày 12/01/2005 và Trần Quốc Tr (nam) sinh ngày 01/02/2012 cho bà Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Quốc T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003700 ngày 09/6/2022 sang tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The